

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Cầu, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 1 (tháng 3/2020)

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống điều tiết Lữ Yên, Cổng điều tiết Lữ Vân, Cổng điều tiết Vân Cầu, Cổng điều tiết Bỉ Nội, Cổng điều tiết Mỏ Thổ, Cổng điều tiết Điểm Tổng, Cổng lấy nước đầu kênh N2, Cổng điều tiết Lăng Trình, Cổng điều tiết Kè Thường, Cổng điều tiết Kè Thẽ, Cổng điều tiết Kè Non, Cổng điều tiết An Cập.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Các vị trí đạt giới hạn trên.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng lấy nước Đá Gân (cổng 10 cửa), Cuối kênh N5 tại chợ Mộc.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: **Cống Kè Tràng trên kênh N3**

Chi tiết thể hiện trong bảng sau:

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cổng lấy nước Đá Gân (cổng 10 cửa)	Trời mưa nhỏ, t° = 19°C, độ ẩm 88%, gió BDB 18 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy trung bình, công mở 5 cửa. Nước chia thành 2 màu do dòng chảy từ mỏ sắt Trại Cau vào. Thượng lưu cổng nhiều rác thải.	Nước chia thành 2 màu xanh lục và nâu đỏ.	7.18	40	5.4	0.2	0.101	0.929	289	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
2	2	Cổng điều tiết Lữ Yên	Trời mưa nhỏ, t° = 18°C, độ ẩm 91%, gió ĐB 11 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy trung bình, công mở 2 cửa.	Nước màu nâu đỏ.	7.19	54.4	6.2	0.2	0.070	1.042	284	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	3	Cổng điều tiết Lữ Vân	Trời mưa nhỏ, t° = 18°C, độ ẩm 91%, gió ĐB 11 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy nhanh, công mở thông 2 cửa. Thượng lưu cổng dồn ứ nhiều rác thải.	Nước màu vàng.	7.2	24.2	7.1	0.2	0.078	1.134	290	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	4	Cổng điều tiết	Trời nhiều mây, t° = 24°C, độ ẩm 81%, gió	Nước màu	7.34	13.5	7.09	0.2	0.062	1.319	310	Đủ điều kiện dùng cho

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo		
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2			
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5			
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10			
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15			
		Vân Cầu	ĐN 18 km/h, mật độ mây 87%. Dòng chảy trung bình, cống mở 2 cửa.	vàng.									trước, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
5	5	Công điều tiết Bi Nội	Trời nhiều mây, t° = 24°C, độ ẩm 75%, gió ĐN 18 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy trung bình, cống mở thông 1 cửa.	Nước màu vàng.	7.37	19.3	6.85	0.2	0.078	1.312	310	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
6	6	Công điều tiết Mỏ Thổ	Trời nhiều mây, t° = 25°C, độ ẩm 76%, gió ĐN 18 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy trung bình, cống mở. H _{TL} = 8.0m	Nước màu vàng lục.	7.28	12.1	6.5	0.2	0.124	1.325	306	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
7	7	Công điều tiết Điểm Tổng	Trời nhiều mây, t° = 25°C, độ ẩm 79%, gió ĐN 18 km/h, mật độ mây 97%. Dòng chảy chậm, cống mở 1 cửa, H _{TL} = 7.5m. Dọc kênh phía thượng lưu cống có nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.27	9.1	6.1	0.2	0.132	1.238	299	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
8	8	Cổng lấy nước đầu kênh N2	Trời mưa nhỏ, t° = 18°C, độ ẩm 91%, gió ĐB 11 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, cống mở hé.	Nước màu vàng.	7.22	23.9	6.45	0.2	0.078	1.035	263	Đủ điều kiện dùng cho trước, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	9	Cổng điều tiết Lăng Trình	Trời mưa nhỏ, t° = 18°C, độ ẩm 91%, gió ĐB 11 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy trung bình, cống mở.	Nước màu vàng.	7.23	20.1	6.5	0.2	0.078	1.073	286	Đủ điều kiện dùng cho trước, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	10	Cổng điều tiết Kè Thường	Trời mưa nhỏ, t° = 16°C, độ ẩm 90%, gió BDB 18 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy trung bình, cống mở. Thượng lưu cống có nhiều rác thải.	Nước màu vàng.	7.25	48.2	6.3	0.2	0.155	1.087	298	Đủ điều kiện dùng cho trước, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	11	Cổng điều tiết Kè Thế	Trời nhiều mây, t° = 24°C, độ ẩm 80%, gió ĐN 18 km/h, mật độ mây 85%. Dòng chảy trung bình, cống mở 2 cửa.	Nước màu vàng.	7.23	21.6	6.4	0.2	0.070	1.352	311	Đủ điều kiện dùng cho trước, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	12	Cổng điều tiết	Trời mưa nhỏ, t° = 18°C, độ ẩm 90%, gió BDB 18	Nước màu	7.21	13.8	6.11	0.2	0.070	1.186	298	Đủ điều kiện dùng cho

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo		
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2			
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5			
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10			
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15			
		Kè Non	km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy trung bình, cống mở, mực nước cao. Thượng lưu cống đọng nhiều rác thải.	vàng.									trước, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	13	Cuối kênh N5 tại chợ Mọc	Trời mưa nhỏ, t° = 18°C, độ ẩm 90%, gió BĐB 18 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, mực nước cao.	Nước màu xanh lục.	7.12	22.2	4.1	0.2	0.132	1.706	320	Đủ điều kiện dùng cho trước, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
14	14	Cống điều tiết An Cập	Trời mưa nhỏ, t° = 17°C, độ ẩm 94%, gió BĐB 18 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy trung bình, cống mở.	Nước màu vàng.	7.24	12.9	6.5	0.2	0.062	1.539	288	Đủ điều kiện dùng cho trước, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
15	15	Cống Kè Tràng trên kênh N3	Trời mưa nhỏ, t° = 17°C, độ ẩm 95%, gió BĐB 18 km/h, mật độ mây 100%. Cống đóng, không có dòng chảy. Thượng lưu cống có nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	6.9	22.4	1.65	0.2	0.218	0.893	304	Không đủ điều kiện dùng cho trước, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.